

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ -PT

Ngày 08 - 8 - 2025

V/v tranh chấp về cấp dưỡng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Trường

Các Thẩm phán: Bà Trần Thanh Hải

Ông Đinh Trường Sơn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:**  
Bà Khả Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (cơ sở 3) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2025/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc Tranh chấp về cấp dưỡng.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2025/HNGĐ - ST ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm 1997;

HKTT: Xóm G, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình

Chỗ ở hiện nay: Khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ), có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Lê Quang H, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm G, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (nay là phường K, tỉnh Phú Thọ), có mặt.

**3. Người kháng cáo:** Bị đơn anh Lê Quang H.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng A trình bày:***

Chị A và anh Lê Quang H kết hôn vào tháng 3/2023 trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (nay là phường K, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi sinh con thì phát sinh mâu thuẫn vì anh H thường xuyên uống rượu, tụ tập bạn bè chơi bời, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh H cư xử và có lời nói không tôn trọng vợ dẫn đến nhiều lần cãi nhau khiến cho cuộc sống gia đình căng thẳng. Hiện nay hai vợ chồng đang sống ly thân, chị A xác định không thể tiếp tục sống chung với anh H được nữa, tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Quang T, sinh ngày 04/10/2023. Khi ly hôn chị A đề nghị được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về công nợ chung: Chị A xác nhận vợ chồng không có nợ cá nhân hay tổ chức tín dụng nào.

***Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Quang H trình bày:***

Anh H đồng ý với trình bày của chị A về phần kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh H thừa nhận khi vợ chồng anh chuyển nhà thuê thì mới xảy ra tranh luận giữa hai vợ chồng, khi chị A đề cập đến việc ly hôn anh đã đồng ý. Tuy nhiên khi nghĩ đến con nhỏ và rất thương con nên anh H không đồng ý ly hôn. Anh H đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án sơ thẩm nhưng từ chối ký vào các biên bản giao nhận các văn bản trên. Ngày 28/02/2025, anh H có bản tự khai bổ sung với nội dung: Nếu chị A nhất quyết ly hôn thì sau khi ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và chưa yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu anh H không được nuôi con chung, anh đề nghị xem xét và giải quyết cho anh được đón con về chơi mỗi tuần một lần vào các ngày cuối tuần, các ngày lễ, Tết nguyên đán và quyền thay đổi nuôi con chung khi con trên 36 tháng tuổi.

Về tài sản, công nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, về quan hệ hôn nhân: chị A và anh H thống nhất ly hôn, không thống nhất về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2025/HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 80, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hoàng A và anh Lê Quang H. Về con chung: Giao cháu Lê Quang T, sinh ngày 04/10/2023 cho chị Nguyễn Thị Hoàng A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Lê Quang H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/4/2025, bị đơn anh Lê Quang H nộp đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tháng tuổi vì công việc của anh H là lao động tự do, mức thu nhập không ổn định. Với mức thu nhập hiện nay, anh H chỉ có thể cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/ tháng. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xem xét lại mức cấp dưỡng để anh H có điều kiện nuôi dưỡng bố mẹ cũng như đảm bảo cuộc sống của bản thân.

Tại giai đoạn phúc thẩm, anh H nộp đơn trình bày hoàn cảnh hiện tại không có việc làm, không có thu nhập hiện đang sinh sống cùng bố mẹ tại xóm G, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; không có khả năng cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng vì còn pH nuôi bố mẹ, bản thân, sau này lấy vợ sinh con còn pH lo cho cuộc sống của vợ con sau này. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xác minh công việc và mức thu nhập hiện tại của anh H, xem xét mức cấp dưỡng nuôi con chung tối đa là 1.500.000 đồng/tháng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2025, anh H trình bày anh chị sống ly thân từ trước khi chị A gửi đơn khởi kiện xin ly hôn 1-2 tuần. Anh H nhận thức được việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn là nghĩa vụ của cha, mẹ khi không trực tiếp nuôi con nhưng do hiện giờ không có việc làm, không kinh

doanh, không làm thuê cho người khác nên không có thu nhập, chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

- Tại đơn trình bày của chị Nguyễn Thị Hoàng A nộp ngày 06/6/2025 có nêu về mức chi phí thực tế cho cháu Lê Quang T 1 tháng từ 8 – 9 triệu đồng. Hiện chị A và cháu T đang sống cùng bố mẹ đẻ chị A tại khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ). Cháu T đang học tại trường mầm non tư thục Vietkids, để đảm bảo cho việc nuôi dạy cháu tốt nhất thì chị sẽ nhờ ông bà ngoại hỗ trợ khi cần. Chị A cũng cung cấp thông tin về số tài khoản ngân hàng của anh Lê Quang H cho Tòa án.

- Ngày 24/6/2025, Tòa án nhận được đơn trình bày của bà Nguyễn Thị D (mẹ đẻ chị A): Chị A hiện là giáo viên tại trường Tiểu học T – thành phố H (nay là phường H, tỉnh Phú Thọ). Bà sẽ hỗ trợ chăm sóc và đưa đón cháu ngoại đi học để chị A đảm bảo công việc và nuôi dạy con để cháu T có được điều kiện học tập và sinh sống tốt nhất.

- Ngày 06/6/2025 Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã có văn bản 319/2025/TA-DS gửi Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Hòa Bình cung cấp về các giao dịch tài chính qua tài khoản mở tại Ngân hàng MB của anh Lê Quang H trong thời gian từ tháng 5/2024 đến tháng 5/2025.

Ngày 24/6/2025, Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Hòa Bình có công văn 130/MB-HBI về việc cung cấp thông tin phúc đáp Công văn 319/2025/TA-DS của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình. Cá nhân có căn cước công dân số 01908900xxxx có số tài khoản 7800129666xxx mở tại MB Hòa Bình, sao kê tài khoản từ 01/5/2024 đến 31/5/2025 đính kèm công văn này; tài khoản 09599999xxxx thuộc quản lý của PGD Diễn Châu, Chi nhánh Nghệ An, chuyển tiếp chi nhánh Diễn Châu để cung cấp thông tin theo quy định.

- Ngày 16/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã tiến hành xác minh tại xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, kết quả xác minh:

Trưởng xóm G – ông Nguyễn Xuân L cho biết: Anh H và chị A kết hôn vào năm 2023, sau khi kết hôn thì không sống cùng gia đình anh H tại xóm G mà sống và làm việc tại thành phố Hòa Bình. Hiện tại anh H không sống cùng bố mẹ đẻ tại địa phương. Về mâu thuẫn gia đình anh H và chị A thì ông L không nắm được do anh chị không sống tại địa phương.

Ông Đinh Văn T – Công chức Tư pháp, Hộ tịch UBND xã M cho biết: Chị Nguyễn Thị Hoàng A và anh Lê Quang H kết hôn năm 2023, đăng ký kết hôn

tại UBND xã M vào ngày 10/3/2023, sổ vào sổ 09/2023. Về mức thu nhập bình quân của người lao động tại địa bàn là 65.000.000 đồng/ người/ năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Lê Quang H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng A và bị đơn anh Lê Quang H thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con, anh chị thỏa thuận anh H cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Quang T mỗi tháng 2.500.000 đồng.

### **Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng, các đương sự đều đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của các đương sự. Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DSST ngày 18/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

*Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên;*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lê Quang H (có địa chỉ nơi cư trú tại thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình) trước ngày 01/7/2025. Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kháng cáo của bị đơn anh Lê Quang H trong thời hạn luật định, được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Theo quy định tại Nghị quyết 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực: Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (sau sáp nhập) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật; kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân được hợp nhất, trong đó có Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Việc thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 02/2025/TLPT-HNGĐ ngày 19/5/2025 theo đơn kháng cáo của bị đơn anh Lê Quang H thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

## [2] Về nội dung

[2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về nội dung kháng cáo của bị đơn. Thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn cụ thể như sau: Anh Lê Quang H phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Quang T mỗi tháng là 2.500.000 đồng.

Xét thấy việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2.2]. Các quyết định khác của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2025/HNGĐ - ST ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ) không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí: - Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Tại phiên tòa, chị A tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình;

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Lê Quang H được chấp nhận nên anh Lê Quang H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2025/HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình về việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc cấp dưỡng nuôi con.  
Cụ thể:

Anh Lê Quang H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng kể từ khi tuyên án sơ thẩm cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Lê Quang H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hoàng A tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0004326 ngày 22/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, nay được đối trừ.

Anh Lê Quang H pH chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng và không phải chịu án phí phúc thẩm. Anh H đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0004486 ngày 28/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, nay được đối trừ vào tiền án phí cấp dưỡng.

4. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 08/8/2025.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Vụ GDKT III - TANDTC;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 12 – Phú Thọ;
- VKSND khu vực 12 – Phú Thọ;
- Thi hành án tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Kim Trường**